

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2018

V/v: *Không công nhận vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông VÕ QUANG TRUYỀN

2/ Ông LÊ CÔNG QUYỀN

- Thư ký phiên tòa: Bà PHẠM THỊ HỒNG NHUNG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông VÕ HOÀNG NHÂN - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh TRÀ DUY Đ, sinh năm 1969 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà O, ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Chị MAI THỊ O (Mai Thị O), sinh năm 1974 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà N, ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2017 và lời khai của anh Trà Duy Đ trình bày như sau:

Anh Đ và chị O tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1993, có tổ chức đám cưới, có làm giấy khai đăng ký kết hôn ngày 28/5/1993 cả hai cùng ký tên và UBND xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh có chứng thực vào giấy khai này vào ngày 29/5/1993 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống riêng trên nhà đất của cha mẹ vợ cho tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện Hòa Thành, ở được khoảng 6 -7 năm thì vợ chồng bán nhà đất này về ấp T, xã T, huyện Hòa Thành sống cho đến nay. Trong

thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do chị O có tình cảm với người đàn ông khác và đã bỏ nhà đi sống với người đó từ tháng 8/2015 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh Đ và chị O có 02 người con chung: Trà Duy T, sinh năm 1994 và Trà Ngọc T, sinh năm 1999 đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị có một phần đất diện tích ngang 23,5m x dài 30m tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, nguồn gốc đất do ông bà nội anh Đ cho vào khoảng năm 1999 - 2000, vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó anh chị đã bán ngang 07m, dài 30m, nên hiện chỉ còn diện tích ngang 16,5m, dài 30m; vợ chồng bỏ tiền ra xây căn nhà tường cấp 4 trên diện tích đất này để ở từ khoảng năm 2000 đến nay, nhà đất hiện nay anh Đ quản lý sử dụng. Ngoài ra, không có tài sản chung nào khác. Về tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2018 Trưởng Ban quản lý ấp T xác nhận chị Mai Thị O có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà N, ấp T, xã H, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nhưng từ khoảng đầu năm 2017 đến nay chị O đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Do không biết địa chỉ cụ thể nên Tòa án tiến hành triệu tập chị O theo thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án nhưng chị O không lần nào có mặt nên không thu thập được lời khai của chị O.

Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên ý kiến, không trình bày gì khác. Chị O vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Đ và chị O là vợ chồng; con chung đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung do anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị O là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị O theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Trà Duy Đ và chị Mai Thị O chung sống từ năm 1993 có giấy khai đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xác nhận nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên việc chung sống của anh chị vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Trà Duy T, sinh năm 1994 và Trà Ngọc T, sinh năm 1999 đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác khi có đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận anh Trà Duy Đ và chị Mai Thị O là vợ chồng.

- Về con chung: Trà Duy T, sinh năm 1994 và Trà Ngọc T, sinh năm 1999 đều đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu anh Đ và chị O có tranh chấp về tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết ở vụ án khác khi có đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Trà Duy Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004983 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, anh Đ đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho anh Trà Duy Đ biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Mai Thị O vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Duyên